

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 272/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 10 năm 2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Huỳnh Hương
2. Ông Huỳnh Văn Năm

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương – Thư ký
tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 586/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 316/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 304/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Tổng Trúc L** – sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Anh **Lâm Văn N** – sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

Tại phiên tòa, chị L có mặt, anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/8/2019 và tại phiên tòa, chị Tổng Trúc L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh N sống chung năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hưng vào năm 2007. Hiện tại vợ chồng chị đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Có hai người con chung là cháu Lâm Nhật D – sinh ngày 26/02/2007 và cháu Lâm Hoàng H – sinh ngày 19/8/2015, cháu D hiện đang

sống với anh N, cháu H sống cùng chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận với anh N, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Lâm Văn N đúng theo quy định pháp luật nhưng anh N không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lâm Văn N có nơi trú tại ấp Kinh Hòn Bắc, xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Tổng Chúc Ly khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Lâm Văn N, yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị L là người khởi kiện, anh N là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự chị L là nguyên đơn, anh N là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh N đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh N theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 16/5/2007 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh N và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn. Tại phiên tòa, chị L xác định, nếu cho các bên tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Chị L và anh N có 2 người con chung là cháu Lâm Nhật D – sinh ngày 26/02/2007 và cháu Lâm Hoàng H – sinh ngày 19/8/2015, cháu D hiện đang sống với anh N, cháu H hiện đang sống cùng với chị, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, yêu cầu anh N tiếp tục nuôi dưỡng cháu D. Cháu D hiện đang sống cùng với anh N, tuy nhiên anh N đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên hiện tại tiếp tục giao cháu D cho anh N nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống ổn định bấy lâu nay của cháu và đúng quy định pháp luật. Cháu H hiện sống cùng chị L, cháu còn nhỏ, chị L trực tiếp nuôi dưỡng nên cần giao cháu H cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với sự phát triển và không làm ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại của cháu. Anh chị hiện có cuộc sống riêng, công việc riêng thu nhập đảm bảo chăm lo cho các con. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu D cho anh N và giao cháu H cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp điều kiện thực tế của các bên và đúng với quy định của pháp luật.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu, đây là ý chí tự nguyện của chị L, việc giao con cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng nhưng anh N không có ý kiến gì đối với việc yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi cháu D. Anh N và chị L mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung nên có cơ sở không buộc vấn đề cấp dưỡng của các bên.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, anh N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tổng Trúc L về việc yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Văn N.

1. Về hôn nhân: Chị Tổng Trúc L được ly hôn với anh Lâm Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Hoàng H – sinh ngày 19/8/2015 cho chị Tổng Trúc L trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Lâm Nhật D – sinh ngày 26/02/2007 cho anh Lâm Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N, chị L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Anh N, chị L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Tổng Trúc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, chị có nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002609 ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, chị Tổng Trúc L không phải nộp tiếp.

Án xử công khai, chị Tổng Trúc L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lâm Văn N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng NV-KT và THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- UBND xã Khánh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp